TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 178/2022/DS-ST
Ngày 26 – 9 – 2022
V/v: Tranh chấp tiền huê

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Mầm

2. Ông Hồ Xuân Giao

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Phạm Đức Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 85/2022/TLST-DS ngày 09/3/2022 về việc "Tranh chấp tiền huê" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 261/2022/QĐXXST-DS ngày 26/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 267/2022/QĐST-DS ngày 13/9/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Lệ H, sinh năm 1972

Địa chỉ: Số 51 thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy Q: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số 6 liên gia 31, buôn Đ, xã C, TP. B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà Hoàng Thị T1, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 49 thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

3. Người làm chứng:

- Bà Nguyễn Thị T2 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Đặng Thanh T3 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Lê Thị T4 (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị S (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Ông Nguyễn Cửu L (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bà Nguyễn Thị N (Có đơn đề nghị vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 4, xã H1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện, đơn xin thay đổi nội dung khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Đỗ Anh T trình bày:

Vào đầu năm 2020 bà Hoàng Thị T1 có chơi huê do bà Lê Thị Lệ H làm chủ. Bà T1 có chơi 01 dây huê với bà H, dây này có 12 chân huê, bà T1 chơi 02 chân, mỗi chân đóng 10.000.000 đồng/1 tháng/1 chân, mỗi tháng đóng 01 lần (tức là bà T1 phải đóng 20.000.000 đồng/2 chân/1 dây/1 tháng). Chủ huê là bà H, dây này có 12 chân huê và có 11 người chơi, cụ thể gồm có: Bà T1 chơi 2 chân, ông Q chơi 1 chân, bà T2 chơi 1 chân, ông T3 chơi 1 chân, ông C chơi 1 chân, ông Thiện chơi 1 chân, bà T4 chơi 1 chân, bà H2 1 chân, bà S chơi 1 chân, ông L chơi 01 chân, bà N chơi 01 chân. Thời gian chơi huê là 12 tháng từ tháng 01/2020 đến tháng 12/2020, mỗi tháng một chân huê đóng 10.000.000 đồng/1 tháng/1 chân huê, mỗi tháng có một chân huê được hốt huê, sau đó thì người đã hốt huê sẽ phải tiếp tục đóng tiền huê của các tháng tiếp theo là 10.000.000 đồng/1 tháng/1 chân huê cho đến hết tháng thứ 12 (hết dây huê).

Tháng 01 và 02 năm 2020 bà Hoàng Thị T1 đã hốt cả 02 chân huê được T cộng là 190.000.000 đồng, ngày 20/02/2020 (AL) bà H và bà T1 có làm giấy tờ ký nhận nợ việc bà T1 đã hốt huê có nội dung là: Bà Hoàng Thị T1 có nợ tiền huê cô H số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng chẵn), không tính lãi suất, 01 tháng trả 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng chẵn), trả tới ngày 20/11/2020 AL là hết, giấy xác nhận nợ này là do bà Hoàng Thị T1 viết và ký tên.

Tuy nhiên sau đó bà T1 không đóng trả cho bà H số tiền huê hàng tháng như cam kết, nhiều lần bà H đã yêu cầu bà T1 phải có nghĩa vụ trả lại số tiền huê cho bà H, nhưng cho đến nay bà T1 vẫn cố ý không thực hiện trả nợ tiền huê đã hốt với số tiền gốc là 190.000.000 đồng cho bà H.

Nay bà Lê Thị Lệ H khởi kiện yêu cầu bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm phải trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền 190.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

- Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Hoàng Thị T1 trình bày:

Vào đầu năm 2020 tôi có chơi huê do bà Lê Thị Lệ H làm chủ. Tôi có chơi 04 dây huê, mỗi dây 5.000.000 đồng, mỗi tháng đóng 01 lần (tức là 20.000.000 đồng/4 dây/1 tháng). Thời gian chơi huê là 12 tháng, mỗi dây có 12 chân, trong đó có tôi, còn cụ thể còn những người chơi khác thì tôi không nắm được.

T số tiền huê của 04 dây tôi hốt là 224.000.000 đồng, đã đóng được 34.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì không có làm giấy tờ, không có người chứng kiến, chỉ có tôi và bà H, thời gian đóng tiền cụ thể tôi không nhớ.

Sau đó tôi đã hốt huê đủ 04 dây với T số tiền 224.000.000 đồng và tôi với bà H đã tính toán lại với nhau thì tôi còn phải đóng tiền huê của 04 dây cho bà H với số tiền là 190.000.000 đồng và đóng trả lại tiền huê đã hốt cho bà H là 20.000.000 đồng/tháng, tôi phải trả tới 20/11/2020AL là hết. Hai bên có viết giấy xác nhận ngày 20/2/2020AL do tôi ký và viết họ tên. Tôi xác định giấy xác nhận nợ tiền huê đề ngày 20/2/2020AL hiện nay do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là tôi viết và ký.

Tôi đã đóng được 06 tháng, T số tiền là 120.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì không có làm giấy tờ, không có người chứng kiến, chỉ có tôi và bà H. Thời gian đưa tiền tôi không nhớ cụ thể. Như vậy, tôi đã đóng cho bà H 120.000.000 đồng, còn lại 70.000.000 đồng, do chưa có tiền nên tôi chưa đóng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu tôi trả 190.000.000 đồng thì nguyện vọng của tôi như sau: Tôi xác định chỉ còn nợ của bà H 70.000.000 đồng tiền nợ huê gốc nên chỉ chấp nhận trả cho bà H 70.000.000 đồng. Về thời gian trả: Xin trả dần 1.500.000 đồng/tháng. Ngoài ra tôi không có ý kiến gì khác.

- Tại các bản tự khai người làm chứng bà Nguyễn Thị T2, ông Đặng Thanh T3, bà Lê Thị T4, bà Nguyễn Thị S, ông Nguyễn Cửu L, bà Nguyễn Thị N đều trình bày:

Vào đầu năm 2020 các ông bà Nguyễn Thị T2, Đặng Thanh T3, Lê Thị T4, Nguyễn Thị S, Nguyễn Cửu L, Nguyễn Thị N có chơi huê do bà Lê Thị Lệ H làm chủ huê và có chơi với bà Lê Thị Lệ H một dây huê gồm có 12 chân huê, trong đó ông bà mỗi người chơi một chân, mỗi chân đóng 10.000.000 đồng/1 tháng, thời gian chơi 12 tháng, từ tháng 01 đến tháng 12 năm 2020, bà T1 chơi hai chân và cách chơi huê hàng tháng 1 chân phải đóng 10.000.000 đồng/1 tháng. Nếu có ai hốt huê tháng đó sẽ được nhận số tiền 12 tháng, sau khi hốt huê của tháng đó, thì các tháng tiếp theo người đã hốt huê phải đóng tiền huê hàng tháng đến khi hết thời gian của dây huê đó. Các ông bà được biết bà Hoàng Thị T1 có hốt huê của cả chân mà bà Hoàng Thị T1 chơi cùng. Số tiền cụ thể mà bà Hoàng Thị T1 hốt được bao nhiêu tiền huê do bà H trả thì các ông bà không được rõ, còn chân huê của ông bà hốt thì đã thỏa thuận với bà H. Trong quá trình chơi huê này thì các ông bà có nghe bà H báo lại sau khi bà Hoàng Thị T1 hốt thì các tháng sau không thấy bà Hoàng Thị T1 đóng lại tiền huê cho bà H, số tiền huê bà Hoàng Thị T1 chưa đóng cho bà Lê Thị Lệ H thì các ông bà không biết.

- Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật nguyên đơn thực hiện đúng, bị đơn thực hiện không đúng quy định tại các Điều 70; 71; 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về quan hệ tranh chấp, thẩm Q thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ, hòa giải, T4 báo thụ lý theo đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; các Điều 48; 97; 102; 106; 170; 171; 175; 177; 220 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 274, Điều 280, Điều 471 Bộ Luật Dân sự; Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H. Buộc bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm phải trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền 190.000.000 đồng

Về án phí: Buộc bị đơn bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có trách nhiệm trả lại số tiền huê đã hốt là 190.000.000 đồng, đây là việc "Tranh chấp tiền huê"; bị đơn cư trú tại TP. B. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm Q giải quyết của Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự, quá trình làm việc tại Tòa án các đương sự không hòa giải được với nhau, vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà bị đơn vắng mặt nhưng đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, do vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

- Nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H xác định vào đầu năm 2020 bà Hoàng Thị T1 có chơi huê do bà H làm chủ. Bà T1 chơi 01 dây huê với bà H, dây này có 12 chân huê, bà T1 chơi 02 chân, mỗi chân đóng 10.000.000 đồng/1 tháng/1 chân, mỗi tháng đóng 01 lần. Tháng 01 và 02 năm 2020 bà T1 đã hốt cả 02 chân huê được T cộng là 190.000.000 đồng, ngày 20/02/2020 (AL) bà H và bà T1 có làm giấy ký nhận nợ việc bà T1 đã hốt huê có nội dung là: Bà Hoàng Thị T1 có nợ tiền huê cô H số tiền 190.000.000 đồng, không tính lãi suất, 01 tháng trả 20.000.000 đồng, trả tới ngày 20/11/2020AL là hết. Tuy nhiên sau đó bà T1 không đóng trả cho bà H số tiền huê hàng tháng như cam kết, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T1 có trách nhiệm phải trả cho bà H số tiền 190.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Hoàng Thị T1 xác định vào đầu năm 2020 bà có chơi huê do bà Lê Thị Lệ H làm chủ. Bà có chơi 04 dây huê, mỗi dây 5.000.000 đồng, mỗi tháng đóng 01 lần (tức là 20.000.000đ/4 dây/1 tháng). T số tiền huê của 04 dây bà đã hốt huê đủ 04 dây với T số tiền 224.000.000 đồng, đã đóng được 34.000.000 đồng, bà với bà H đã tính toán lại với nhau thì bà còn phải đóng tiền huê của 04 dây cho bà H với số

tiền là 190.000.000 đồng và đóng trả lại tiền huê đã hốt cho bà H là 20.000.000 đồng/tháng, bà phải trả tới 20/11/2020AL là hết, có viết giấy xác nhận ngày 20/2/2020 (AL), bà xác định giấy xác nhận nợ tiền huê đề ngày 20/2/2020 (AL) do nguyên đơn cung cấp cho Tòa án là bà viết và ký. Bà đã đóng được 06 tháng, T số tiền là 120.000.000 đồng. Khi đưa tiền thì không có làm giấy tờ, không có người chứng kiến, thời gian đưa tiền không nhớ cụ thể. Nay bà chỉ còn nợ bà H 70.000.000 đồng tiền nợ huê gốc nên chỉ chấp nhận trả cho bà H 70.000.000 đồng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định giữa hai bên có chơi huê với nhau, bà T1 chơi huê do bà H làm chủ huê. Quá trình chơi huê bà T1 đã hốt huê của bà H, ngày 20/02/2020 (AL) bà H và bà T1 có làm giấy ký nhận nợ việc bà T1 đã hốt huê có nội dung là: Bà Hoàng Thị T1 có nợ tiền huê cô H số tiền 190.000.000 đồng, không tính lãi suất, 01 tháng trả 20.000.000 đồng, trả tới ngày 20/11/2020AL là hết.

Về việc trả số tiền đã hốt huê 190.000.000 đồng: Bà H xác định bà T1 không đóng trả cho bà H số tiền huê hàng tháng như cam kết. Còn bà T1 xác định đã đóng được 06 tháng, T số tiền là 120.000.000 đồng cho bà H, còn lại 70.000.000 đồng do chưa có tiền nên bà chưa đóng nhưng bà T1 không có tài tiệu, chứng cứ nào để chứng minh đã trả tiền cho bà H, đồng thời phía bà H không thừa nhận, nên không có căn cứ để xác định việc bà T1 đã trả số tiền 120.000.000 đồng cho bà H, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền theo như cam kết.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H là có căn cứ cần chấp nhận. Buộc bị đơn bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm phải trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền đã hốt tiền huê 190.000.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí là: 190.000.000 đồng x 5% = 9.500.000 đồng.

Nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Điều 274, Điều 280, Điều 471 Bộ Luật Dân sự;

Điều 6, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Lệ H.

Buộc bà Hoàng Thị T1 có trách nhiệm phải trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền 190.000.000 đồng *(Một trăm chín mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí:

- Buộc bà Hoàng Thị T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.500.000 đồng.

- Hoàn trả cho bà Lê Thị Lệ H số tiền tạm ứng án phí 4.750.000 đồng *(Bốn triệu bảy trăm năm mười ngàn đồng)* mà bà Lê Thị Lệ H đã nộp theo biên lai số: AA/2021/0012391 ngày 04/3/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyên yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- Chi cục THADS TP. BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đại Minh